

CHƯƠNG 10 : VỐN VÀ ĐẦU TƯ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG

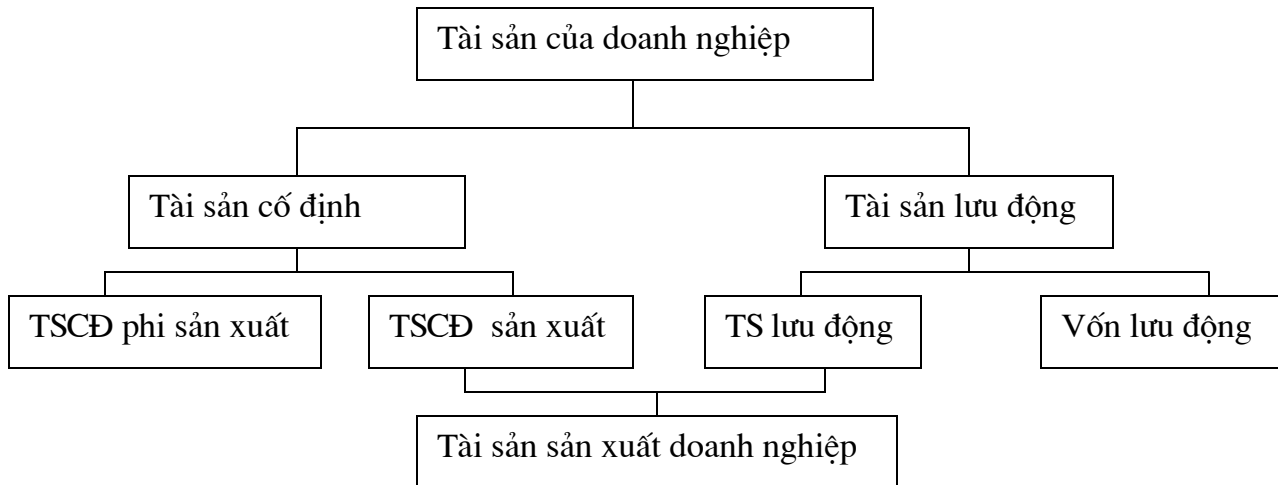
10.1. Vốn của doanh nghiệp xây dựng

10.1.1. Khái niệm và nội dung của vốn sản xuất - kinh doanh

Theo nghĩa rộng : vốn của doanh nghiệp là tất cả các nguồn lực như : nguyên vật liệu, thiết bị, nhà xưởng sản xuất, nhân lực, thông tin, uy tín của doanh nghiệp được sử dụng vào mục đích sản xuất và kinh doanh để sinh lời.

Theo tính chất hoạt động và nghĩa hẹp : vốn sản xuất của doanh nghiệp bao gồm hai bộ phận chính : vốn cố định và vốn lưu động

Theo hình thức tồn tại : vốn của doanh nghiệp xây dựng bao gồm : vốn dưới dạng hiện vật (tài sản cố định sản xuất và một bộ phận của vốn lưu động), vốn điều lệ và vốn dưới dạng khác như nhân phiếu, nhãn hiệu, thông tin....



10.1.2. Vốn cố định sản xuất - kinh doanh xây dựng

10.1.2.1. Khái niệm

Vốn cố định của doanh nghiệp

Trong quá trình sản xuất - kinh doanh vốn của doanh nghiệp phải trải qua các giai đoạn sản xuất và lưu thông. Tùy thuộc vào tính chất tham gia vào quá trình sản xuất và hình thức chuyển giá trị của chúng vào sản phẩm mà người ta phân ra thành vốn cố định hay vốn lưu động

Vốn cố định của doanh nghiệp xây dựng giữ chức năng của tư liệu lưu động, chúng tham gia vào quá trình sản xuất nhiều chu kỳ, sau mỗi chu kỳ sản xuất một bộ phận giá trị của nó được chuyển dần vào giá thành sản phẩm dưới hình thức khấu hao, nhưng hình thái vật chất ban đầu tương đối không thay đổi

Vốn lưu động là một bộ phận vốn của doanh nghiệp xây dựng làm chức năng của ĐTLĐ, sau khi hoàn thành một chu kỳ sản xuất thì ĐTLĐ bị biến đổi

hoàn toàn về hình thái vật chất và bị chuyển toàn bộ giá trị của nó vào sản phẩm (trừ vốn lưu thông)

Theo qui định của Bộ tài chính thì ...

10.1.2.2. Nội dung, thành phần, đặc điểm của vốn cố định sản xuất - kinh doanh xây dựng

a. Nội dung, thành phần

Vốn cố định sản xuất - kinh doanh xây dựng có thể được xem xét ở các góc độ khác nhau:

- Theo các giai đoạn của sản xuất - kinh doanh : vốn cố định có thể là khâu mua sắm tư liệu sản xuất ban đầu, của khâu sản xuất chế biến và của khâu tiêu thụ sản phẩm

- ở khâu sản xuất chế biến : vốn cố định của doanh nghiệp xây dựng có thể là của khu vực sản xuất chính (xây lắp) hoặc ở khâu sản xuất phụ

- Vốn cố định có thể thuộc thành phần tích cực (máy móc, thiết bị thi công) có thể thuộc phần thụ động (đường sá, cầu cống, lán trại tạm cho thi công)

- Theo sở hữu : vốn cố định có thể thuộc nhà nước cấp ban đầu (đối với doanh nghiệp nhà nước), có thể do quỹ tích lũy cho sản xuất của doanh nghiệp mà có, có thể là máy móc đi thuê để tự sử dụng, hoặc do nguồn vốn liên doanh mà có.

- Nếu kết hợp theo công dụng và tính chất cụ thể : thì thành phần của vốn cố định sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng gồm có :

+ Thứ nhất : phần thiết bị và máy móc đóng vai trò công cụ lao động của khu vực sản xuất chính xây lắp, của khu vực sản xuất phụ, của khu vực sản xuất phụ trợ, của công việc vận tải cung ứng, các thiết bị thí nghiệm, các thiết bị phục vụ công tác quản lý

+ Thứ hai : phần nhà xưởng (không kể thiết bị bên trong) chủ yếu là của khâu sản xuất phụ và phụ trợ của các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh khác và một số công trình tạm đặc biệt.

b. Đặc điểm

- Vì tài sản cố định trong xây dựng là các máy móc, thiết bị không cần có nhà xưởng kiên cố bao che, nên phân giá trị thiết bị máy móc lớn chiếm tỷ lệ lớn trong tài sản của doanh nghiệp cũng như lớn hơn nhiều so với các ngành khác nhau

- Vì tài sản cố định trong xây dựng phần lớn là máy móc lưu động nên phân giá trị của tài sản cố định tự và máy móc thiết bị tự di chuyển so với

$\sum G_{TSCD}^{MMTB}$ thường lớn hơn các ngành khác

- Cơ cấu của tài sản cố định của doanh nghiệp xây dựng phụ thuộc vào nhiều nhân tố như loại hình xây dựng, trình độ tập trung, chuyên môn hoá xây dựng và luôn biến động

- Trong điều kiện các tổ chức chuyên cho thuê máy xây dựng xuất hiện phổ biến thì giá trị của tài sản cố định của doanh nghiệp xây dựng sẽ giảm đi đáng kể.

10.1.2.3. Hao mòn, khấu hao, đánh giá và các hình thức tái sản xuất tài sản cố định

a. Hao mòn tài sản cố định

- Hao mòn hữu hình tài sản cố định xét theo góc độ kỹ thuật (gọi tắt là hao mòn hữu hình kỹ thuật) là sự thay đổi hình dáng bên ngoài và cấu tạo vật chất bên trong của tài sản cố định do tác động của quá trình sử dụng và của môi trường tự nhiên. Do đó giá trị sử dụng của tài sản cố định như công suất, độ bền bị giảm đi

- Hao mòn hữu hình tài sản cố định xét theo góc độ kinh tế (gọi tắt là hao mòn kinh tế) là quá trình chuyển dần giá trị tài sản cố định vào sản phẩm do nó làm ra tùy theo mức độ giảm giá trị sử dụng ban đầu của tài sản cố định do hao mòn kỹ thuật gây nên

- Hao mòn vô hình tài sản cố định là một phạm trù kinh tế (gọi tắt là hao mòn vô hình kinh tế). Hao mòn vô hình tài sản cố định không có liên quan gì đến hao mòn hữu hình tài sản cố định mà chủ yếu là do thiết bị kỹ thuật được áp dụng tròn khâu thiết kế về chế tạo tài sản cố định nên tài sản cố định vừa mới được sản xuất thường có năng suất cao hơn với giá thành nhỏ hơn, hoặc do tài sản cố định không đáp ứng được nhu cầu sản xuất. Trong xây dựng các tài sản cố định là máy xây dựng có thể bị hao mòn vô hình do mẫu nhà hay công trình thay đổi

b. Khấu hao tài sản cố định

- Khái niệm :

+ Khấu hao tài sản cố định là sự chuyển dần giá trị của nó vào giá thành sản phẩm do nó làm ra với mục đích tích lũy các phương tiện về mặt tiền bạc để khôi phục hoàn toàn giá trị sử dụng ban đầu của nó (mua sắm lại) khi thời gian khấu hao đã hết, bao gồm : khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn

+ Tổng số tiền khấu hao của một tài sản cố định nào đó phải tích lũy sau cả thời gian khấu hao qui định: (Nguyên giá)

$$T_k = G_b + C_s + C_h - G_c$$

Với T_k : tiền tích khấu hao

G_b : giá mua ban đầu của tài sản cố định, nếu là công trình xây dựng thì đó là giá trị đăng ký tài sản của công trình

C_s : chi phí cho các lần SCL dự kiến trong suốt thời hạn khấu hao qui định của tài sản cố định

C_h : chi phí có liên quan đến việc huỷ bỏ tài sản cố định khi thời hạn phục vụ của nó đã hết theo dự kiến

G_c : Giá trị thu hồi sau khi thanh lý tài sản cố định theo dự kiến

Nếu có khấu hao cho hiện đại hoá thì phải cộng thêm vào trị số T_k một nhóm chi phí tương ứng

Mức khấu hao tuyệt đối (K_n) hàng năm là số tiền khấu hao phải thực hiện trong một năm nào đó

Mức khấu hao tương đối ($a_n \%$) giữa mức khấu hao tuyệt đối hàng năm phải thực hiện và giá trị ban đầu của tài sản cố định

* Các phương pháp tính mức khấu hao :

- Khấu hao theo thời gian theo kiểu tuyến tính :

+ Theo cách tính này, mức khấu hao tuyệt đối hàng năm là

$$K_n = \frac{T_k}{N}$$

N : thời hạn khấu hao theo qui định của tài sản cố định

+ Mức khấu hao tương đối hàng năm là :

$$a_n = \frac{K_n}{G_b} \cdot 100\%$$

- Khấu hao TSCĐ theo kiểu phi tuyến theo thời gian với tỷ lệ phần trăm ($P\%$) là cố định so với giá trị còn lại của tài sản cố định sau mỗi năm:

$$P\% = 100 \left(1 - \sqrt[n]{\frac{R_n}{T_k}} \right)$$

n : Số năm khấu hao

R_n : giá trị còn lại của tài sản cố định ở năm thứ n

- Khấu hao TSCĐ theo kiểu phi tuyến theo thời gian với số tiền khấu hao hàng năm giảm đi đều đặn:

$$D = \frac{T_k}{\frac{N(N+1)}{2}}$$

Mẫu số chính là cộng dồn tích lũy các năm (số tự nhiên) từ 1 đến N

- Khấu hao theo thời gian theo kiểu phi tuyến với mức khấu hao hàng năm tăng nhanh dần

- Khấu hao theo thời gian theo kiểu kết hợp giữa phi tuyến và tuyến tính

- Khấu hao theo khối lượng sản phẩm đạt được của tài sản cố định

$$K = \frac{T_k}{S_t} \cdot S_n$$

S_t : Tổng số sản phẩm do tài sản cố định làm ra trong suốt thời gian khấu hao theo qui định của nó.

S_n : Số sản phẩm làm ra trong một số năm (xác định theo định mức sử dụng TSCĐ)

c. Đánh giá tài sản cố định

* Đánh giá tài sản cố định về mặt giá trị :

Đánh giá tài sản cố định về mặt giá trị có ý nghĩa rất quan trọng vì nó góp phần vào việc bảo tồn vốn, đáp ứng được yêu cầu phát triển của kỹ thuật và giúp cho việc xác định giá thành sản phẩm hợp lý hơn, gồm :

- Đánh giá tài sản cố định theo giá ban đầu ở thời điểm mua sắm tài sản cố định
- Đánh giá tài sản cố định theo giá hiện tại ở thời điểm đánh giá
- Đánh giá tài sản cố định theo giá trị ban đầu có trừ khấu hao đã tiến hành
- Đánh giá tài sản cố định theo giá hiện tại ở thời điểm so sánh có trừ đi phần khấu hao đã tiến hành

* Đánh giá tình trạng hao mòn về mặt kỹ thuật

Việc đánh giá này có thể tiến hành bằng nhiều cách thí nghiệm, quan sát các hiện tượng bên ngoài của kết cấu tài sản cố định, hoặc qua kinh nghiệm tích lũy nhiều năm, có mấy trường hợp cần xem xét :

- Đánh giá tình trạng hao mòn về mặt kinh tế của từng chi tiết của tài sản cố định
- Đánh giá tổng thể tình trạng hao mòn về mặt kinh tế của một tài sản cố định.

* Đánh giá mức hao mòn vô hình về mặt trình độ kỹ thuật và mức tiện nghi sử dụng của tài sản cố định

- Các tài sản cố định hiện có luôn bị lạc hậu về mặt trình độ kỹ thuật và mức tiện nghi sử dụng so với loại tài sản cố định cùng loại mới xuất hiện

- Mức hao mòn vô hình về mặt kỹ thuật của tài sản cố định được đánh giá bằng cách so sánh các chỉ tiêu đặc trưng cho trình độ kỹ thuật của tài sản cố định hiện có với các chỉ tiêu tương ứng của các tài sản cố định mới xuất hiện có trình độ kỹ thuật hiện đại nhất

- Mức hao mòn vô hình về mặt tiện nghi trong sử dụng được xác định bằng cách so sánh các chỉ tiêu đặc trưng về trình độ tiện nghi của tài sản cố định đang xét với các chỉ tiêu tương ứng của các tài sản cố định mới xuất hiện có trình độ tiện nghi cao nhất ở thời điểm đang xét.

d. Các hình thức tái sản xuất tài sản cố định

* Tái sản xuất giản đơn tài sản cố định : là sự mua sắm lại tài sản cố định với giá trị sử dụng của nó như cũ sau thời hạn sử dụng qui định của nó đã hết

* Tái sản xuất mở rộng tài sản cố định : là sự mua sắm lại tài sản cố định ở chu kỳ sử dụng tiếp theo với năng lực sản xuất lớn hơn để tăng thêm khối lượng sản xuất.

Các hình thức tái sản xuất mở rộng tài sản cố định :

+ Trang bị lại cho doanh nghiệp các tài sản cố định có tính chất như cũ nhưng với số lượng nhiều hơn, hoặc có tính chất mới tiến bộ hơn về mặt kỹ thuật và kinh tế

+ Tiến hành SLC gắn liền với cải tạo, mở rộng và hiện đại hoá tài sản cố định

* Tái sản xuất tài sản cố định và vấn đề bảo tồn vốn:

Bảo tồn vốn là vấn đề rất quan trọng đối với doanh nghiệp vì nó liên quan chặt chẽ đến vấn đề tái sản xuất tài sản cố định nói chung, và với vấn đề xác định thời hạn khấu hao, mức khấu hao tài sản cố định nói riêng

Có mấy phương pháp bảo toàn vốn có liên quan đến vấn đề tái sản xuất tài sản cố định như :

- Giá khấu hao của tài sản cố định phải thường xuyên được tính lại theo thời gian và phải thay đổi cách tính khấu hao kịp thời để sao cho sau khi kết thúc thời hạn khấu hao tài sản cố định thì doanh nghiệp có đủ tiền để mua sắm lại tài sản cố định với giá trị sử dụng như cũ theo thời giá ở điểm đang xét

- Định thời hạn sử dụng tài sản cố định ngắn lại và do đó phải tăng mức khấu hao, nhất là giai đoạn sử dụng tài sản cố định ban đầu

- Khi mua sắm, trang bị tài sản cố định phải tiến hành lập dự án đầu tư, trong đó có tính đến nhân tố trượt giá.

- Phải bảo đảm nguyên tắc an toàn về tài chính thông qua chỉ tiêu doanh thu hoà vốn và sản lượng hoà vốn, trong đó chỉ tiêu chi phí có tính đến nhân tố trượt giá của tài sản cố định

- Cải tiến tổ chức sử dụng tài sản cố định., bảo đảm cho phần chi phí có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản cố định giảm đến mức thấp nhất có thể có

10.1.2.4. Lập kế hoạch về tài sản cố định

Nội dung của kế hoạch về tài sản cố định bao gồm :

- Kế hoạch trang bị tài sản cố định xuất phát từ nhu cầu của thị trường và khả năng mở rộng sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp

- Kế hoạch này bao gồm các vấn đề về mua sắm tài sản cố định mới, cải tạo và hiện đại hoá các tài sản cố định hiện có, đào thải các tài sản cố định hết niên hạn sử dụng hay đã bị lạc hậu về mặt kỹ thuật và kinh tế, xác định phương án thuê máy hay tự mua sắm

- Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định hiện có

- Kế hoạch sử dụng tài sản cố định

- Kế hoạch khấu hao tài sản cố định

- Kế hoạch dự trữ tài sản cố định (nếu có)

10.1.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá tài sản cố định

- Các chỉ tiêu đánh giá trình độ sử dụng tài sản cố định

* Mức doanh lợi của một đồng vốn cố định

$$H_t = \frac{L}{V_c}$$

Với L : lợi nhuận thực thu được trong năm (sau khi nộp thuế) do tài sản cố định đem lại (Lợi nhuận ròng)

V_c : Giá trị tài sản cố định đã được sử dụng trong năm đang xét

* Năng xuất của một đồng vốn cố định đang xét

$$H_s = \frac{D}{V_c}$$

Với D : tổng giá trị công tác xây lắp đã thực hiện trong năm (do sử dụng tài sản cố định mà có)

Nghịch đảo của H_s là mức hao phí vốn cố định cho một đồng giá trị công tác xây lắp

* Mức hao phí lao động sống trong sử dụng tài sản cố định

$$H_c = \frac{S}{V_c}$$

Với S : số ngày công đã hao phí để sử dụng tài sản cố định để làm nên sản phẩm trong năm (hay S là số công nhân bình quân trong danh sách trong năm đã sử dụng tài sản cố định)

Nghịch đảo của H_c là mức trang bị vốn cố định cho công nhân

* Các chỉ tiêu sử dụng tài sản cố định theo số lượng, thời gian và năng suất

- Chỉ tiêu sử dụng tài sản cố định (chủ yếu là máy móc và thiết bị xây dựng) theo số lượng tỷ số giữa số lượng tài sản cố định bình quân trong danh sách thực tế làm việc với số lượng tài sản cố định bình quân trong danh sách hiện có hoặc theo kế hoạch của tài sản cố định

- Chỉ tiêu sử dụng tài sản cố định theo thời gian : (có thể tính cho một ca hay một năm) được tính bằng tỷ số giữa số thời gian tài sản cố định thực tế làm việc trong một ca (hay một năm) với thời gian của một ca (hay một năm)

- Chỉ tiêu sử dụng máy theo năng suất được tính bằng tỷ số giữa năng suất thực tế trung bình đạt được với năng suất theo định mức

10.1.3. vốn lưu động sản xuất - kinh doanh xây dựng

10.1.3.1. Khái niệm

Vốn lưu động của doanh nghiệp xây dựng là một bộ phận sản xuất của doanh nghiệp mà hình thái vật chất của nó chủ yếu phụ thuộc vào đối tượng lao động. Những đối tượng lao động này chỉ tham gia vào quá trình sản xuất có một lần và chuyển toàn bộ giá trị của nó vào giá thành sản phẩm xây dựng

Vốn lưu động của doanh nghiệp xây dựng trong thực tế bao gồm toàn bộ đối tượng lao động đang trực tiếp nằm trong quá trình sản xuất, đang được sử dụng

làm dự trữ cho sản xuất và một phần tiền tệ đang nằm trong khâu lưu thông (thanh toán và bàn giao sản phẩm)

Trong quá trình vận động từ giai đoạn sản xuất này sang giai đoạn sản xuất khác vốn lưu động thay đổi hình thức biểu hiện của nó theo trình tự :

- + Tiền - vàng (Vật Liệu Xây dựng mua sắm ban đầu để dự trữ)
- + Sản phẩm xây dựng
- + tiền (sau khi thanh toán, nghiệm thu)

10.1.3.2 Thành phần vốn lưu động

a- Vốn lưu động nằm trong giai đoạn sản xuất chế biến : gồm

- Dự trữ cho sản xuất (vật liệu, cấu kiện xây dựng, nhiên liệu, vật rẻ tiền mau hỏng)

- Các tài sản nằm trong giai đoạn sản xuất chế biến :

+ Giá trị khối lượng công tác xây lắp dở dang : là giá trị khối lượng xây lắp đã thực hiện nhưng chưa đến kỳ thanh toán.

+ Các chi phí chờ phân bổ : là loại chi phí bỏ ra một lần nhưng phải phân bổ vào giá thành công tác xây lắp theo từng phần. Vì các chi phí này không chỉ liên quan đến hiện tại, mà còn với công việc sản xuất ở kỳ sau

b- Vốn lưu thông (phần vốn lưu động nằm trong giai đoạn lưu thông)

- Vốn nằm trong thanh toán là giá trị công tác xây lắp đã hoàn thành, đã bàn giao và đang nằm trong giai đoạn thanh toán với chủ đầu tư nhưng kỳ hạn trả tiền chưa đến

- Vốn tiền tệ là các khoản tiền nằm trong tay thủ quỹ, trong các tài khoản khi tính nợ và tín dụng

10.1.3.3.Cơ cấu của vốn lưu động : là mối quan hệ tỷ lệ giữa các bộ phận của vốn lưu động với toàn bộ giá trị của vốn lưu động

Cơ cấu này chịu ảnh hưởng của các nhân tố sau:

- Các nhân tố thuộc giai đoạn sản xuất như : độ dài của chu kỳ sản xuất, trình độ tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ xây dựng, tính chất của công trình xây dựng, năng suất lao động...

- Các nhân tố thuộc về phương thức thanh toán như khoảng cách giữa hai lần thanh toán, hình thức chuyển khoản, thủ tục thanh toán...

10.1.3.4. Định mức vốn lưu động

a- Định mức dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất

- Định mức dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất :

Số ngày giữa hai lần cung cấp theo định mức dự kiến :

$$T_b = \frac{\sum T_i \cdot A_i}{\sum A_i}$$

Với T_i : khoảng cách giữa hai lần cung cấp thứ i nào đó của một loại vật liệu nào đó

A_i : giá trị nguyên vật liệu được cung cấp lần thứ i

- Dự trữ vật tư cho số ngày xuất, nhập kho và chuẩn bị cấp phát
- Dự trữ bảo hiểm đề phòng khi cung cấp bị gián đoạn
- Dự trữ thời vụ
- Dự trữ do hồ sơ thanh toán mua vật liệu sớm hơn mua vật tư

b- Định mức khối lượng xây dựng dở dang

Định mức này phụ thuộc vào phương thức thanh toán được áp dụng giữa chủ đầu tư và công ty xây dựng. Nếu cơ cấu công tác xây lắp và phương thức thanh toán của kỳ kế hoạch không thay đổi nhiều so với năm cũ thì định mức này có thể lấy theo kinh nghiệm thực tế của năm cũ

Việc xác định định mức này rất khó chính xác. Phương pháp có căn cứ khoa học hơn cả vẫn là phương pháp dựa trên biểu đồ phát triển công tác xây lắp tính theo tiền ở bản thiết kế tiến độ thi công của từng công trình và lịch thanh toán qui định giữa chủ đầu tư và doanh nghiệp xây dựng để tính ra giá trị công tác xây lắp dở dang.

c- Định mức chi phí chờ phân bổ :

Chi phí chờ phân bổ thường được xác định bằng cách đem cộng chi phí chờ phân bổ hiện có ở đầu năm kế hoạch với các loại chi phí này dự kiến cho cả năm kế hoạch và sau đó trừ đi phần được phân bổ vào giá thành xây lắp ở năm kế hoạch theo dự kiến

$$C_{cpk}^{Dm} = C_{cpkh}^{dn} + C_{cpk}^{dk} - C_{cpk}^{thien}$$

10.1.3.5. Các nguồn hình thành vốn lưu động

Các nguồn hình thành vốn lưu động gồm :

- Một phần lợi nhuận trích để lại cho doanh nghiệp
- Một phần trích từ quỹ phát triển sản xuất
- Các khoản nợ ổn định và nguồn vốn đi vay

10.1.3.6. Chu chuyển và hiệu quả sử dụng của đồng vốn

a- Các giai đoạn chu chuyển của vốn lưu động

Các giai đoạn của một vòng chu chuyển của vốn lưu động được thể hiện :

T - D - S - P - T_m

Với T : giai đoạn bỏ tiền ra để mua sắm vật liệu để dự trữ

D : Giai đoạn dự trữ

S : Giai đoạn sản xuất chế biến

P : giai đoạn thành phẩm

T_m : giai đoạn thu tiền về sau khi bán sản phẩm

Tổng thời gian của vốn lưu động nằm ở lĩnh vực sản xuất và lưu thông hợp thành một vòng chu chuyển của vốn lưu động

Nếu thời gian thanh toán là một tháng thì chu kỳ T là một tháng

b- Các chỉ tiêu đặc trưng cho hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Vốn lưu động trong ngành công nghiệp xây dựng chiếm tỷ trọng khá lớn, vì giá trị của sản phẩm xây dựng lớn, chu kỳ sản xuất xây dựng lâu dài, khối lượng xây dựng dở dang lớn. Do đó, cần đặc biệt chú ý sử dụng vốn lưu động có hiệu quả

Có mấy chỉ tiêu đánh giá hiệu quả vốn lưu động như sau :

*** Mức nhu cầu về vốn lưu động tính cho một đồng giá trị công tác xây lắp:**

$$M_1 = \frac{V_1}{G} \rightarrow \min$$

Với V_1 : nhu cầu trung bình về vốn lưu động của thời kỳ tính toán (năm) và được tính như sau :

$$V_1 = \left[\frac{V_d}{2} + V_t + \frac{V_c}{2} \right] \frac{1}{12}$$

với V_d : số dư vốn lưu động ở đầu năm

V_t : tổng số dư vốn lưu động từ đầu tháng 2 đến đầu tháng 12

V_c : số dư vốn lưu động ở cuối năm

- G : Giá trị dự toán khối lượng công tác xây lắp đã hoàn thành, và bàn giao của thời kỳ đang tính toán

*** Số vòng quay vốn lưu động ở thời kỳ đang xét**

$$n = \frac{G}{V_1} \rightarrow \max$$

*** Thời gian của một vòng quay vốn lưu động**

$$t = \frac{365}{n} \rightarrow \min$$

*** Hiệu quả của việc tăng nhanh vòng quay của vốn lưu động**

Tốc độ chu chuyển của vốn lưu động tăng lên sẽ làm cho các chỉ tiêu : khối lượng, công tác hoàn thành, năng suất lao động, lợi nhuận và mức doanh thu của doanh nghiệp tăng lên

Số vốn lưu động tiết kiệm được tăng nhanh vòng quay vốn lưu động có thể tính theo công thức :

$$K = \frac{G}{T_n} (t_1 - t_2)$$

Với T_n : số ngày trong năm

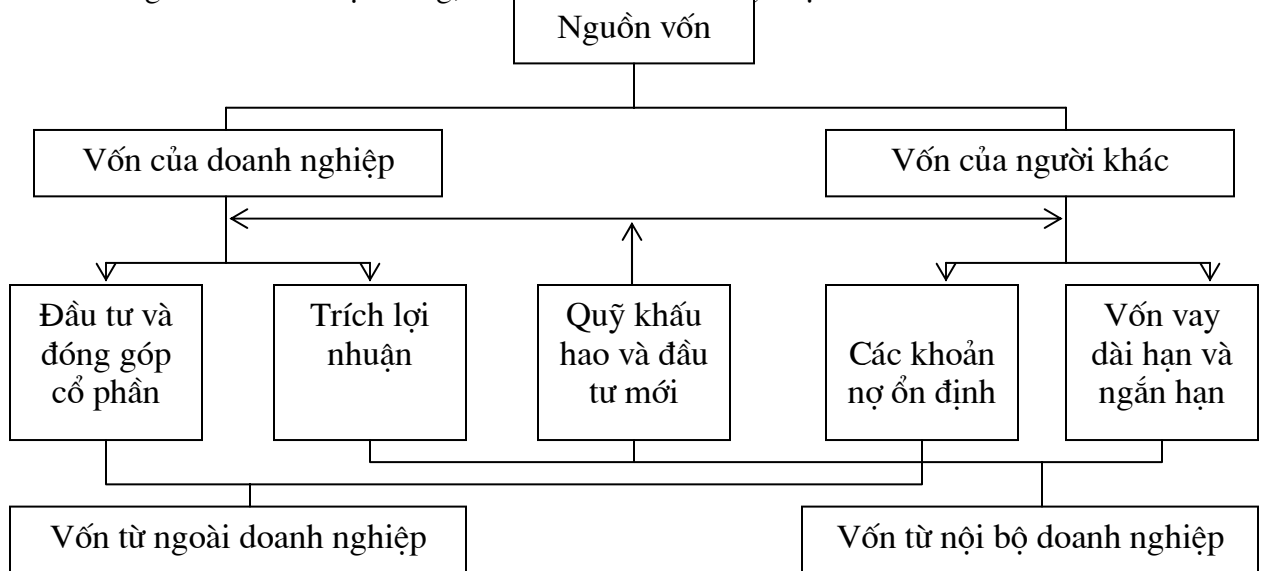
t_1, t_2 : thời gian của một vòng quay vốn lưu động (trước và sau khi áp dụng mọi biện pháp để tăng vòng quay vốn lưu động)

10.1.4. Nguồn vốn và các phương án cấu tạo nguồn vốn

10.1.4.1. Các nguồn vốn

Vốn của doanh nghiệp xây dựng thường được hình thành từ các nguồn sau : vốn do nhà nước cấp ban đầu (với các doanh nghiệp nhà nước), vốn từ nguồn lợi nhuận và khấu hao thuộc quyền sử dụng của doanh nghiệp, vốn vay dài hạn và ngắn hạn, vốn đóng góp theo cổ phần hay liên doanh

Trong nền kinh tế thị trường, các nguồn vốn thường được diễn tả theo sơ đồ sau



10.1.4.2. Các phương án cấu tạo nguồn vốn

a- Phương án cấu tạo giữa vốn tự có và vốn đi vay

Phương án cấu tạo này được đặc trưng bằng độ vay nợ V

$$V = \frac{V_k}{V_t}$$

V_k : vốn vay của người khác

V_t : vốn tự có của doanh nghiệp

Nếu $V=1$ thì mức độ chịu đựng rủi ro của doanh nghiệp và chủ nợ như nhau

Nếu $V<1$ thì mức độ rủi ro của doanh nghiệp cao hơn

Nếu V càng lớn thì mức chịu rủi ro của chủ nợ tăng lên và tình trạng thanh toán của doanh nghiệp càng dễ bị xấu đi

b- Phương án cấu tạo giữa tạo vốn và sử dụng vốn

Quy tắc :

- Quy tắc về sự phù hợp giữa lúc vốn đến và lúc sử dụng vốn
- Quy tắc cân đối giữa vốn và các loại tài sản

$$\frac{Giá.trị.tài.sản.co.dinh}{vốn.tu.co.của.DN} \leq 1$$

Và
$$\frac{Giá.trị.tài.sản.co.dinh}{vốn.tu.co + vốn.vay.dài.hạn} \leq 1$$

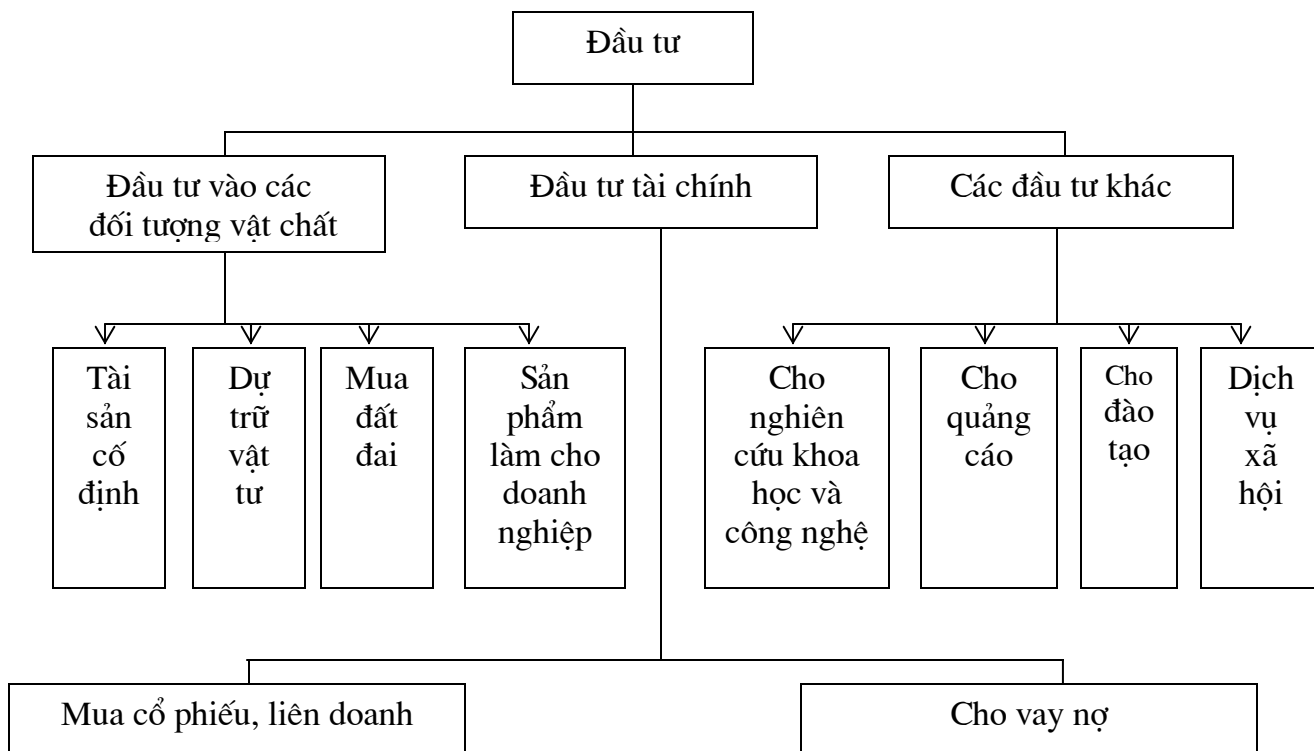
$$\frac{Von.luu.thong.tien.te}{no.ngan.han} \geq 1$$

$$\frac{Von.luu.dong}{No.ngan.han} \geq 2$$

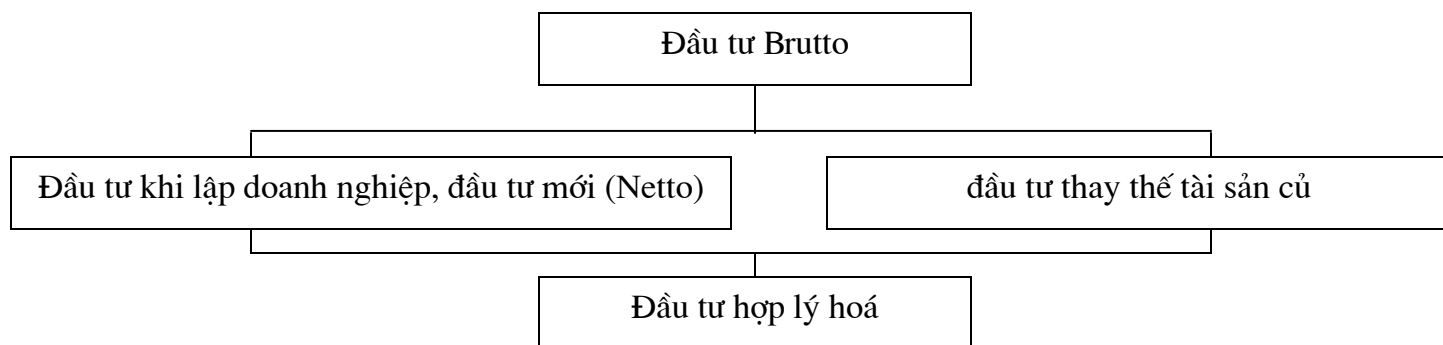
10.2 Đầu tư của các doanh nghiệp xây dựng

10.2.1. Phân loại đầu tư ở các doanh nghiệp xây dựng

10.2.1.1 Phân theo tính chất của các đối tượng đầu tư



10.2.1.2 Phân theo góc độ đầu tư thay thế hay đầu tư mới



10.2.1.3. Phân theo nguồn vốn đầu tư ta có: đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, từ vốn tích lũy của doanh nghiệp